

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2026/HC-PT

Ngày: 07-7-2026

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính về quản lý
đất đai*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Năng

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Hữu Thị Hào Hào

Ông Ngô Hà Nam

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Lâm Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng:*** Bà Đặng Ngọc Hoài Linh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2026/TLHC-PT ngày 02 tháng 3 năm 2026 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 05/2026/HC - ST ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 05/2026/QĐ-PT ngày 23 tháng 4 năm 2026; Thông báo hoãn phiên tòa số: 72/TB-TA ngày 07 tháng 05 năm 2026; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 07/QĐPT-HC ngày 27 tháng 05 năm 2026 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 53/QĐPT-HC ngày 26 tháng 06 năm 2026, giữa các đương sự:

- ***Người khởi kiện:*** Bà Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1974; địa chỉ: K P, phường Q, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Ngô Thị Kim C, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn B, xã T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân thành phố Đ; địa chỉ: Số B đường T, phường H, thành phố Đà Nẵng;

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Đức Á - Chủ tịch.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân phường Q, thành phố Đà Nẵng;

3. Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố Đà Nẵng;

Địa chỉ: Khối phố N, phường Q, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Q: Ông Nguyễn Quốc S - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Q. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Q:

Ông Trần Công Đ - Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Q; Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bà Lê Thị S1 - Chuyên viên phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Q; Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Ông Trương Công T - Chuyên viên Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công phường Q. Có mặt.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trương Công H, sinh năm 1950;
2. Ông Trương Công B, sinh năm 1960;
3. Ông Trương Công H1, sinh năm 1970;
4. Bà Trương Thị Thu N, sinh năm 1964;
5. Ông Trương Công H2; sinh năm 1992;
6. Bà Trương Thị Thanh H3, sinh năm 1997;
7. Bà Trương Thị Ô N1, sinh năm 2006;
8. Bà Đinh Thị H4;
9. Ông Trương H5;
10. Ông Trương Công S2;

Cùng địa chỉ: Khối phố P, phường Q, thành phố Đà Nẵng.

(Tất cả đều vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trương Thị Thu N, ông Trương Công H, ông Trương Công B, ông Trương Công H1, ông Trương Công H2: Bà Ngô Thị Kim C, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn B, xã T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Ngô Thị Kim C trình bày:

Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố T, tỉnh Quảng Nam (cũ) ban hành Quyết định số 1565/QĐ-UBND ngày 14/4/2022 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khu tái định cư T, địa điểm xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam, cụ thể thu hồi đất tại thửa đất số 563, tờ bản đồ số 22, diện tích thu hồi 2.832,2m², loại đất trồng cây lâu năm để thực hiện dự án Khu tái định cư tại thôn P, xã T, thành phố T.

Đơn giá bồi thường loại đất trồng cây lâu năm là 58.000 đồng/m². Ngày 13/7/2023 bà L được gọi đến Trung tâm Phát triển quỹ đất để nhận tiền bồi thường

đất, hỗ trợ về đất và các chính sách khác thì bà L phát hiện việc bồi thường đất, đơn giá đất là chưa hợp lý. Theo Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ số 06/BTGT-HĐBT (đợt 2) tại danh mục đất trồng cây lâu năm (CLN) vị trí 1, diện tích 2.832,2m², đơn giá 58.000 đồng/m² là chưa hợp lý. Do đó, bà L đã làm đơn kiến nghị, đề nghị giải quyết các yêu cầu sau:

+ Đối với diện tích đất trồng cây lâu năm tại thửa đất số 563, tờ bản đồ số 22, diện tích là 4.958,1m².

+ Đối với đơn giá đất trồng cây lâu năm là 75.000 đồng/m².

Ngày 19/11/2024, Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Công văn số 3264/UBND-BQLDA về việc trả lời kiến nghị, phản ánh của hộ bà Nguyễn Thị Bích L. Không đồng ý với kết quả trả lời của UBND thành phố T, bà L đã khiếu nại Công văn số 3264.

Kết quả giải quyết khiếu nại:

Quyết định số 1095/QĐ-UBND ngày 20/3/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc giải quyết khiếu nại của gia đình bà L là không hợp lý làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích chính đáng của gia đình bà L.

Quyết định số 1974/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của bà Ngô Thị Kim C, trú tại: thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Bích L, bà Trương Thị Thu N, ông Trương Công H, ông Trương Công B và ông Trương Công H1, trú tại: xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại của gia đình bà L là không thỏa đáng, không đúng quy định pháp luật.

Bà L không đồng ý các nội dung sau: Tại mục IV kết luận cho rằng việc bồi thường khi thu hồi đất của hộ ông Trương Công H6 - bà Nguyễn Thị C1 là diện tích đất thực tế đang sử dụng, đã được UBND xã T xác nhận là 2.832,2m² là không chính xác, trái quy định của pháp luật.

Cụ thể như sau:

1. Về hồ sơ đăng ký quản lý sử dụng đất theo Luật Đất đai năm 2013:

Năm 2013 chồng bà L là ông Trương Công Á1 kê khai đăng ký quản lý sử dụng đất tại thửa đất số 563, tờ bản đồ số 22, diện tích 4.958,1m², loại đất trồng cây lâu năm, tên chủ sử dụng đất Trương Công Á1 và bà Nguyễn Thị Bích L (Sổ mục kê ruộng đất được phê duyệt ngày 29/6/2017).

Thửa đất số 563, tờ bản đồ số 22, diện tích 4.958,1m² hợp thành các thửa đất sau:

+ Toàn bộ thửa đất số 297, tờ bản đồ số 22, diện tích 1.946m², loại đất cây lâu năm (Sổ mục kê ruộng đất được phê duyệt theo Nghị định 64/CP trước ngày 15/10/1993 do ông Trương Công H6 chủ sử dụng đất) qua quá trình quản lý sử dụng đất cha chồng bà L có khai hoang (đất hoang) thửa đất số 294, tờ bản đồ số 22, diện tích 4.205m², được UBND xã T xác nhận sử dụng đất trước ngày 01/7/2004.

+ Thửa đất số 1853, tờ bản đồ số 22, diện tích 38,5m² loại đất chuyên dùng, cha chồng bà L khai hoang, san lấp mặt nước, sử dụng vào mục đích trồng cây lâu năm.

+ Thửa đất số 1854, tờ bản đồ số 22, diện tích 38,5m² loại đất chuyên dùng, cha chồng bà L khai hoang, san lấp mặt nước, sử dụng vào mục đích trồng cây lâu năm.

Hộ gia đình bà L sử dụng ổn định, liên tục không có tranh chấp (đến năm 2008 cha chồng bà L chết). Chồng bà L là ông Trương Công Á1 tiếp tục quản lý sử dụng đến năm 2013, kê khai chính sách ruộng đất năm 2013. Đến năm 2019 ông Trương Công Á1 chết. Bà L tiếp tục quản lý sử dụng cho tới nay, hộ gia đình bà L luôn tuân thủ sử dụng đất theo đúng quy định của Luật Đất đai, sử dụng ổn định không có tranh chấp.

2. Không thống nhất hồ sơ trích đo để thực hiện dự án của cơ quan chức năng liên quan như sau:

Thửa đất số 563, tờ bản đồ số 22, diện tích 4.958,1m² (theo cơ sở dữ liệu địa chính được Sở T4 phê duyệt ngày 29/6/2017).

Được đo thành các thửa đất sau:

+ Thửa đất số 563, tờ bản đồ số 22, diện tích 2.832,2m², loại đất trồng cây lâu năm, do ông Trương Công Á1 và bà Nguyễn Thị Bích L, kê khai đăng ký chủ sử dụng đất là không hợp lý, thiếu diện tích 2.125,9m² (4.958,1m² - 2.832,2m²), làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích chính đáng của gia đình bà L.

Trước khi thu hồi đất, cơ quan có thẩm quyền liên quan - Ủy Ban nhân dân xã T, không phối hợp với người dân tiến hành, khảo sát, đo đạc, thống kê thực tế đất đai, hiện trạng giáp ranh, chủ sử dụng đất, gây bức xúc trong nhân dân, ảnh hưởng đến thiếu diện tích đất đai.

+ Thửa đất số 1852, tờ bản đồ số 22, diện tích 1.039,2m², loại đất cây lâu năm, do hộ bà Đinh Thị H4 kê khai, đăng ký chủ sử dụng đất (thửa đất này có nguồn gốc từ thửa đất đăng ký sử dụng 64/CP (sổ mục kê) là thửa đất số 294, tờ bản đồ số 22, diện tích 4.205m², loại đất hoang có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T ngày 02/3/2020.

+ Thửa thửa đất số 1850, tờ bản đồ số 22, diện tích 827,6m², loại đất trồng cây lâu năm, do ông Trương H5 kê khai, đăng ký chủ sử dụng đất (thửa đất này có nguồn gốc từ thửa đất đăng ký sử dụng theo 64/CP (sổ mục kê) là thửa đất số 294, tờ bản đồ số 22, diện tích 4.205m², loại đất hoang.

+ Thửa đất 1856, tờ bản đồ số 22, diện tích 143,4m², loại đất trồng cây lâu năm, do hộ ông Trương Công S2 và bà Phan Thị L1 kê khai chủ sử dụng đất (thửa đất này có nguồn gốc từ thửa đất số 306, tờ bản đồ số 11, diện tích 1.666m² thực hiện xây dựng công trình nối đường A, Q.

Từ những căn cứ trên, không đồng ý 3 hộ Đinh Thị H4, Trương H5, Trương Công S2 có tên trong thửa đất số 563, tờ bản đồ số 22, diện tích 4.958,1m² đất của hộ gia đình bà L .

3. Về bồi thường đất, hỗ trợ đơn giá đất bà L yêu cầu như sau:

Ngày 13/7/2023, bà L được gọi đến Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T để nhận tiền bồi thường đất giải phóng mặt bằng và tái định cư .

Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ số 06/BTGT-HĐBT, phần danh mục đất trồng cây lâu năm - vị trí 1, số lượng 2.832,2m², đơn giá 58.000đ/m², tại thửa đất số 563, tờ bản đồ 22, nhận thấy là chưa hợp lý. Về diện tích còn thiếu 2.125,9m²

(4.958,1m² - 2.832m²), về đơn giá đất trồng cây lâu năm, đã có Quyết định số 32/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 Ban hành sửa đổi bổ sung tại Điều 3, đơn giá đất nông nghiệp tại T, xã T, giá 75.000 đồng/m².

Do đó, bà Nguyễn Thị Bích L khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 1565/QĐ-UBND ngày 14/4/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam về việc thu hồi đất để thực hiện dự án khu tái định cư T, địa điểm: xã T, thành phố T.

- Hủy Quyết định số 1651/QĐ-UBND ngày 20/4/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam về bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông (bà) Trương Công H6 (chết) - Nguyễn Thị C1 (chết) các đồng thừa kế: Trương Công H, Trương Công B, Trương Công H1, Trương Thị Thu N, Trương Công Á1 (chết) - vợ Nguyễn Thị Bích L để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu tái định cư T (đợt 2) tại xã T, thành phố T.

- Hủy Công văn số 3264/UBND-BQLDA ngày 19/11/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc trả lời kiến nghị, phản ánh của hộ bà Nguyễn Thị Bích L, trú tại thôn P, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

- Hủy Quyết định số 1095/QĐ-UBND ngày 20/3/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Bích L, thường trú tại thôn P, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

- Hủy Quyết định số 1974/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q về việc giải quyết khiếu nại của bà Ngô Thị Kim C, trú tại thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Bích L, bà Trương Thị Thu N, ông Trương Công H, ông Trương Công B và ông Trương Công H1, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam (lần hai) .

- Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố Đà Nẵng ban hành quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và bố trí tái định cư khi thu hồi thửa đất số 563, tờ bản đồ số 22, diện tích 4.958,1m², loại đất trồng cây lâu năm tại xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam (nay là phường Q, thành phố Đà Nẵng) cho hộ ông bà: Trương Công H, Trương Công B, Trương Công H1, Trương Thị Thu N, Trương Công Á1 (chết) - vợ Nguyễn Thị Bích L theo đúng quy định của pháp luật.

- **Theo Công văn số 2327/UBND-KT,HT&ĐT ngày 15/12/2025**, UBND phường Q có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích L **như sau:**

A. Liên quan đến nội dung bà Nguyễn Thị Bích L yêu cầu ban hành Quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với diện tích 4.958,1m² tại thửa đất số 563, tờ bản đồ số 22, loại đất cây lâu năm (CLN). UBND phường Q đối chiếu hồ sơ địa chính qua các thời kỳ như sau:

I. Hồ sơ kê khai theo Chỉ thị số 299/TTg: Trên địa bàn xã T cũ (nay là phường Q) không có lưu trữ hồ sơ.

II. Đối chiếu hồ sơ Nghị định số 64/CP duyệt ngày 06/3/1996 (đối chiếu mức tương đối trong bản đồ): thửa đất số 563, tờ bản đồ số 22, diện tích 4.958,1m² (CSDL) thuộc các thửa đất sau:

1. Có khoảng 1718,7m² thuộc một phần thửa đất số 297, tờ bản đồ số 22, diện tích 1946,0m², loại đất: đất màu, tên ông Trương Công H6 tại trang số 124, quyền số 01, Sổ mục kê ruộng đất do UBND thị xã T duyệt ngày 06/3/1996.

2. Có khoảng 2286,6m² thuộc một phần thửa đất số 294, tờ bản đồ số 22, diện tích 4205,0m², loại đất Hoang, chủ sử dụng: chưa phân phối sử dụng tại trang số 124, quyền số 01, Sổ mục kê ruộng đất do UBND thị xã T duyệt ngày 06/3/1996.

3. Có khoảng 258,4m² thuộc một phần thửa đất số 306, tờ bản đồ số 22, diện tích 1666,0m², loại đất RT/g, chủ sử dụng: tên bà Mai Thị T1 tại trang số 125, quyền số 01, Sổ mục kê ruộng đất do UBND thị xã T duyệt ngày 06/3/1996.

4. Có khoảng 64,9m² thuộc một phần thửa đất số 293, tờ bản đồ số 22, diện tích 90,0m², loại đất Hoang, chủ sử dụng: chưa phân phối sử dụng tại trang số 124, quyền số 01, Sổ mục kê ruộng đất do UBND thị xã T duyệt ngày 06/3/1996.

5. Có khoảng 300,3m² hướng Đông Bắc (vị trí 5.1) và khoảng 198,6m² hướng Nam thuộc bờ đất (vị trí 5.2), UBND xã quản lý.

6. Có khoảng 85,8m² thuộc một phần thửa đất số 307, tờ bản đồ số 22, diện tích 2086,0m², loại đất: Thổ cư (đo bao), tên ông Trương Đ1 (1686,0m²), bà Trương Thị S3 (200,0m²), bà Võ Thị T2 (200,0m²) tại trang số 125, quyền số 01, Sổ mục kê ruộng đất do UBND thị xã T duyệt ngày 06/3/1996.

7. Có khoảng 41,0m² thuộc một phần thửa đất số 296, tờ bản đồ số 22, diện tích 703,0m², loại đất: đất màu, tên ông Trương Công H6 tại trang số 124, quyền số 01, Sổ mục kê ruộng đất do UBND thị xã T duyệt ngày 06/3/1996.

8. Phạm vi diện tích còn lại khoảng 3,8m² do sai số trong quá trình chồng ghép, đối chiếu số liệu.

III. Hồ sơ cơ sở dữ liệu quản lý đất đai (Sở T4 duyệt ngày 29/6/2017): Thửa đất số 563, tờ bản đồ số 22, diện tích 4.958,1m², loại đất CLN, hộ ông Trương Công Á1 và bà Nguyễn Thị Bích L kê khai đăng ký tại trang số 16, Quyền số 01, Sổ Địa chính, tại cột số (10) Số vào sổ cấp GCNQSDĐ ghi “*Không đủ điều kiện cấp GCN*”.

- Đối chiếu thửa đất số 563, tờ bản đồ số 22, diện tích 4.958,1m² (CSDL) với hồ sơ đo đạc phục vụ công tác thu hồi đất thực hiện dự án:

1. Có khoảng 2.832,2m² do hộ ông(bà) Trương Công Á1 – Nguyễn Thị Bích L kê khai đăng ký chủ sử dụng đất tại thửa đất số 563, tờ bản đồ số 22, loại đất CLN.

2. 36,9 m² nằm trong đất chính trang (đoạn giáp nhà ông Lê Văn T3).

3. Có khoảng 143,4m² do hộ ông(bà) Trương Công S2 – Phan Thị L1 kê khai đăng ký chủ sử dụng đất tại thửa đất số 1856, tờ bản đồ số 22, loại đất CLN.

4. Có khoảng 38,5m² thuộc thửa đất số 1853, tờ bản đồ số 22, loại đất chuyên dùng do UBND xã quản lý.

5. Có khoảng 38,5m² thuộc thửa đất số 1854, tờ bản đồ số 22, loại đất chuyên dùng do UBND xã quản lý.

6. Có khoảng 827,6m² do hộ ông(bà) Trương Hoanh kê khai đăng ký chủ sử dụng đất tại thửa đất số 1850, tờ bản đồ số 22, loại đất CLN.

7. Có khoảng 1.039,2m² do hộ ông(bà) Đinh Thị H4 kê khai đăng ký chủ sử dụng đất tại thửa đất số 1852, tờ bản đồ số 22, loại đất CLN.

8. Diện tích còn lại khoảng 1,8m² là do sai số qua các lần đo.

Qua phân tích hồ sơ địa chính qua các thời kỳ nêu trên, căn cứ các Quyết định số 1095/QĐ-UBND ngày 20/3/2025 của UBND thành phố T và Quyết định số 1974/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND tỉnh Q về việc giải quyết khiếu nại, UBND phường Q xét thấy bà Nguyễn Thị Bích L không cung cấp được giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật, việc quản lý sử dụng đất được xác định trước ngày 01/7/2004 và tại thời điểm UBND thành phố T ban hành thông báo thu hồi đất thì người sử dụng đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mặc dù có kê khai đăng ký hồ sơ CSDL năm 2017 nhưng hồ sơ ghi “không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận”. Theo thực tế hiện trạng sử dụng đất, hộ ông Trương Công H6 (chết) – con trai là ông Trương Công Á1 (chết) – con dâu là bà Nguyễn Thị Bích L đang quản lý, sử dụng vào mục đích trồng cây lâu năm với diện tích 2.832,2m², phần diện tích còn lại được các hộ dân khác sử dụng vào mục đích trồng cây lâu năm như hộ bà Đinh Thị H4 (1.039,2m²), hộ Trương Hoanh (827,6m²), hộ ông Trương Công S2 (143,4m²), có 77m² đất chuyên dùng. Do đó, việc bà Nguyễn Thị Bích L yêu cầu bồi thường về đất đối với phần diện tích đất còn lại của thửa đất số 563, tờ bản đồ số 22, diện tích 2.125,9m² (4.958,1m² - 2.832,2m²) là không đúng quy định nên không có cơ sở để giải quyết.

B. Đối với đề nghị áp dụng Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh Quảng Nam để tính giá bồi thường đất:

UBND thành phố T ban hành Quyết định thu hồi đất đối với hộ ông Trương Công H6 - Nguyễn Thị C1 (chết) tại Quyết định số 1651/QĐ-UBND ngày 20/4/2022 và bổ sung tiền hỗ trợ ổn định đời sống tại Quyết định số 4653/QĐ-UBND ngày 03/10/2023. Do đó, việc bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Trương Công H6 – Nguyễn Thị C1 (chết) được thực hiện theo Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND ngày 17/12/2019 của HĐND tỉnh Q và Quyết định số 24/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Q ban hành quy định về giá đất, bảng giá đất thời kỳ 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam là đúng quy định của pháp luật. Đến ngày 14/7/2023, Ban quản lý các dự án Đầu tư và Xây dựng thành phố T đã chi trả xong tiền bồi thường tại Quyết định số 1651/QĐ-UBND ngày 20/4/2022.

Đồng thời, theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết 32/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Q quy định: “*Nghị quyết này được HĐND tỉnh Q khóa X, kỳ họp thứ mười tám thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024*”. Do đó, bà Nguyễn Thị Bích L đề nghị áp dụng Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Q sửa đổi Điều 3 quy định giá đất, bảng giá đất thời kỳ 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam ban hành kèm theo Nghị quyết 14/2019/NQ-HĐND ngày 17/12/2019 của HĐND tỉnh Q để tính giá bồi thường về đất là không có cơ sở để xem xét giải quyết.

Ngoài ra, hai Quyết định giải quyết khiếu nại của hai cấp cũng là quan điểm và ý kiến của địa phương.

- Theo Công văn số 5159/UBND-BTCD ngày 26/12/2025, Chu tịch UBND thành phố Đ có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích L như sau:

1. Đối với các nội dung người khởi kiện (bà Nguyễn Thị Bích L) yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đà Nẵng giải quyết tại mục 2, 3, 4, 5, 6 của Thông báo số 21/TLST-HC ngày 14/11/2025

- Đối với khiếu nại yêu cầu bồi thường đúng, đủ diện tích đã kê khai đăng ký theo hồ sơ địa chính tại thửa đất số 563, tờ bản đồ số 22, diện tích là 4.958,1m²:

Theo Hồ sơ Cơ sở dữ liệu địa chính (Sở T4 duyệt ngày 29/6/2017) thì diện tích đất liên quan đến khiếu nại thuộc thửa đất số 563, tờ bản đồ số 22, diện tích 4.958,1m², loại đất: CLN do hộ ông Trương Công Á1 - bà Nguyễn Thị Bích L đứng tên đăng ký chủ sử dụng đất. Theo Hồ sơ trích đo để thực hiện dự án thửa đất số 563, tờ bản đồ số 22, diện tích 4.958,1m² được đo đạc thành 06 thửa đất. Tại thời điểm thu hồi đất, bà Nguyễn Thị Bích L và các đồng thừa kế của ông Trương Công H6 - bà Nguyễn Thị C1 đang quản lý, sử dụng thửa đất số 563 Mảnh đo đạc chính lý bản đồ địa chính số 22 có diện tích 2.832,2m², loại đất cây lâu năm thuộc thửa đất số 297, tờ bản đồ số 22, có nguồn gốc của hộ ông Trương Công H6 và bà Nguyễn Thị C1 (đã chết) và một phần thửa đất 294, tờ bản đồ số 22, loại đất Hgđ. Việc quản lý, sử dụng đất được xác định trước ngày 01/7/2004 và tại thời điểm UBND thành phố T ban hành thông báo thu hồi đất thì người sử dụng đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 75 và khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013 thì việc bồi thường khi thu hồi đất cho hộ ông Trương Công H6 - bà Nguyễn Thị C1 là diện tích đất thực tế đang sử dụng, đã được UBND xã T xác nhận là 2.832,2m². Do đó, việc các đồng thừa kế của ông Trương Công H6 - bà Nguyễn Thị C1 khiếu nại, yêu cầu bồi thường về đất đối với diện tích đất 4.958,1m² là không có cơ sở để giải quyết.

- Đối với đề nghị áp dụng Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Q để tính giá bồi thường đất:

Ngày 20/4/2022, UBND thành phố T có Quyết định số 1651/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Trương Công H6 - bà Nguyễn Thị C1 (chết) (các đồng thừa kế: Trương Công H, Trương Công B, Trương Thị Thu N, Trương Công H1, Nguyễn Thị Bích L) với số tiền bồi thường 984.460.030 đồng và Quyết định số 4653/QĐ-UBND ngày 03/10/2023 bồi thường, hỗ trợ (bổ sung) với số tiền 21.600.000 đồng (hỗ trợ ổn định đời sống). Theo quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013 thì việc bồi thường về đất bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do UBND cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất. Giá đất để tính bồi thường về đất đối với dự án Khu tái định cư T là giá đất cụ thể được phê duyệt tại Quyết định số 2611/QĐ-UBND ngày 18/5/2021 của UBND thành phố T. Do đó, việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Nguyễn Thị Bích L được thực hiện theo Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND ngày 17/12/2019 của HĐND tỉnh Q và Quyết định số 24/2019/QĐ- UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Q ban hành Quy định về giá đất, bảng giá đất thời kỳ 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam là đúng quy định pháp luật.

Đồng thời, theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Q quy định: “Nghị quyết này được HĐND tỉnh Q khóa X, kỳ họp thứ mười tám thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024”. Do đó, người khiếu nại đề nghị áp dụng Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Q sửa đổi Điều 3 quy định giá đất, bảng giá đất thời kỳ 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND ngày 17/12/2019 để tính giá bồi thường về đất là không có cơ sở để xem xét giải quyết chấp nhận. Vì vậy, việc UBND thành phố T ban hành Quyết định số 1651/QĐ-UBND ngày 20/4/2022 về việc bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Trương Công H6 (chết) - Nguyễn Thị C1 (chết) các đồng thừa kế: Trương Công H, Trương Công B, Trương Công H1, Trương Thị Thu N, Trương Công Á1 (chết) - vợ Nguyễn Thị Bích L để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu tái định cư T (đợt 2) tại xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam là đúng quy định pháp luật.

Do đó, tại Điều 1 Quyết định số 1974/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Q (cũ) về giải quyết khiếu nại (lần hai) của bà Ngô Thị Kim C, trú tại thôn B, xã T, huyện N, là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Bích L, bà Trương Thị Thu N, ông Trương Công H, ông Trương Công B và ông Trương Công H1, xã T, thành phố T đã giải quyết “Không công nhận nội dung khiếu nại của bà Ngô Thị Kim C, là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Bích L, bà Trương Thị Thu N, ông Trương Công H, ông Trương Công B và ông Trương Công H1 đối với Công văn số 3264/UBND-BQL ngày 19/11/2024 của UBND thành phố T về việc trả lời kiến nghị, phản ánh của hộ bà Nguyễn Thị Bích L, trú tại thôn P, xã T, thành phố T” là đúng quy định pháp luật.

Kết quả giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố T tại Quyết định số 1095/QĐ-UBND ngày 20/3/2025 về giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Nguyễn Thị Bích L, bà Trương Thị Thu N, ông Trương Công H, ông Trương Công B và ông Trương Công H1 là đúng. Vì vậy, tại Điều 2 Quyết định số 1974/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Q (cũ) về giải quyết khiếu nại (lần hai) của bà Ngô Thị Kim C nêu “Tiếp tục thực hiện Quyết định số 1095/QĐ-UBND ngày 20/3/2025 của Chủ tịch UBND thành phố T về giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Nguyễn Thị Bích L, bà Trương Thị Thu N, ông Trương Công H, ông Trương Công B và ông Trương Công H1, trú tại thôn P, xã T, thành phố T” là đúng quy định.

Việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh Q (cũ) tại Quyết định số 1974/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 về giải quyết khiếu nại (lần hai) của bà Ngô Thị Kim C, là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Bích L, bà Trương Thị Thu N, ông Trương Công H, ông Trương Công B và ông Trương Công H1 là có cơ sở và đúng quy định của pháp luật.

Vì vậy, đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đà Nẵng không công nhận yêu cầu khởi kiện nêu trên của bà Nguyễn Thị Bích L.

2. Đối với nội dung người khởi kiện (bà Nguyễn Thị Bích L) yêu cầu Tòa án giải quyết tại mục 1 Thông báo số 21/TLST-HC ngày 14/11/2025:

Trong quá trình khiếu nại, bà Nguyễn Thị Bích L không có khiếu nại đối với Quyết định số 1565/QĐ-UBND ngày 14/4/2022 của UBND thành phố T, tỉnh Quảng Nam (cũ) nêu trên nên trong quá trình giải quyết khiếu nại, Chủ tịch UBND tỉnh Q (cũ) không xem xét. Nay bà Nguyễn Thị Bích L khởi kiện vụ án hành chính và yêu cầu Tòa án hủy Quyết định này. Về vấn đề này, đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đà Nẵng giải quyết theo quy định của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án sơ thẩm số 05/2026/HC-ST ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đà Nẵng đã căn cứ:

Căn cứ Điều 3, Điều 30, Điều 31 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 2 Luật sửa đổi Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại tòa án), khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 3 Điều 116, khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Luật Khiếu nại năm 2011; Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Bích L về yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 1565/QĐ-UBND ngày 14/4/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam về việc thu hồi đất để thực hiện dự án khu tái định cư T, địa điểm: xã T, thành phố T.

- Hủy Quyết định số 1651/QĐ-UBND ngày 20/4/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam về bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông (bà) Trương Công H6 (chết) - Nguyễn Thị C1 (chết) các đồng thừa kế: Trương Công H, Trương Công B, Trương Công H1, Trương Thị Thu N, Trương Công Á1 (chết) - vợ Nguyễn Thị Bích L để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu tái định cư T (đợt 2) tại xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

- Hủy Công văn số 3264/UBND-BQLDA ngày 19/11/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc trả lời kiến nghị, phản ánh của hộ bà Nguyễn Thị Bích L, trú tại thôn P, xã T, thành phố T.

- Hủy Quyết định số 1095/QĐ-UBND ngày 20/3/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Bích L, trú tại thôn P, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

- Hủy Quyết định số 1974/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q về việc giải quyết khiếu nại của bà Ngô Thị Kim C, trú tại thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Bích L, bà Trương Thị Thu N, ông Trương Công H, ông Trương Công B và ông Trương Công H1, xã T, thành phố T (lần hai).

- Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố Đà Nẵng ban hành quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và bố trí tái định cư khi thu hồi thửa đất số 563, tờ bản đồ số 22, diện tích 4.958,1m², loại đất trồng cây lâu năm tại xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam (nay là phường Q, thành phố Đà Nẵng) cho hộ ông

bà: Trương Công H, Trương Công B, Trương Công H1, Trương Thị Thu N, Trương Công Á1 (chết) - vợ Nguyễn Thị Bích L theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/02/2026, người khởi kiện bà Nguyễn Thị Bích L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, không đồng ý với toàn bộ quyết định của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện giữ yêu cầu khởi kiện và rút một phần nội dung kháng cáo đối với Quyết định số 1651/QĐ-UBND ngày 20/4/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam về bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông (bà) Trương Công H6 (chết) - Nguyễn Thị C1 (chết) các đồng thừa kế: Trương Công H, Trương Công B, Trương Công H1, Trương Thị Thu N, Trương Công Á1 (chết) - vợ Nguyễn Thị Bích L để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu tái định cư T (đợt 2) tại xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử :

Căn cứ khoản 3 Điều 218 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo Quyết định 1651/QĐ-UBND ngày 20/4/2022 của bà Nguyễn Thị Bích L.

Căn cứ Khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 đề nghị HĐXX bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bích L đối với các nội dung kháng cáo còn lại, giữ nguyên quyết định của Bản án số 05/HC-ST ngày 09/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 23/02/2026, người khởi kiện bà Nguyễn Thị Bích L nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời gian luật định, xét thấy đơn kháng cáo hợp lệ theo quy định tại Điều 206 Luật Tố tụng hành chính nên được HĐXX chấp nhận xem xét kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm người bị kiện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt và việc vắng mặt của người bị kiện và người liên quan không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những đương sự trên.

[2] Xét về nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bích L thấy:

[2.1] Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất và kê khai đăng ký đối với thửa đất bà Nguyễn Thị Bích L đang khiếu kiện:

Thứ nhất: Xét về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất:

Tại Phiếu lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất lập ngày 03/6/2021 và Biên bản họp lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc, thời điểm sử dụng

đất, tình trạng sử dụng đất lập ngày 03/6/2021 thể hiện “Thửa đất số 563, diện tích 2.832,2m² của hộ ông Trương Công H6 (chết) - con trai là Trương Công Á1 (chết) - con dâu là Nguyễn Thị Bích L có nguồn gốc: Do hộ ông Trương Công H6 sử dụng ổn định trồng BHK (trồng cây hàng năm khác thuộc nhóm đất nông nghiệp) vào thời điểm trước ngày 15/10/1993 và có tên trong Sổ mục kê ruộng đất tại thửa đất số 297, tờ bản đồ số 22, diện tích 1.946m², loại đất màu và tự chuyển sang đất trồng cây lâu năm trước ngày 01/7/2004. Ông Trương Công H6 (chết) và vợ bà Nguyễn Thị C1 (chết) thì để lại cho hộ ông Trương Công Á1 tiếp tục sử dụng. Đến năm 2019, ông Trương Công Á2 (chết), bà L có quan hệ là vợ ông Á2 và con bà L tiếp tục quản lý, sử dụng.

Trong quá trình quản lý, sử dụng hộ ông H6, nay là hộ bà L sử dụng có khai hoang đất Hg do UBND xã quản lý thuộc phần thửa đất số 294 để sử dụng vào mục đích trồng CLN trước ngày 01/7/2004 và do chỉnh trang lại bờ thửa hướng Bắc nên diện tích theo hiện trạng có biến động theo diện tích tại hồ sơ 64/CP”.

Theo Biên bản họp Hội đồng tư vấn đất đai xã T, thành phố T (cũ) lập ngày 12/7/2021 để xác định nguồn gốc, thời điểm, tình trạng sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân có đất bị ảnh hưởng trong phạm vi dự án Khu tái định cư T, xã T, thành phố T (trong đó có hộ bà Nguyễn Thị Bích L) xác nhận: “Qua đối chiếu thì thửa đất số 563, tờ bản đồ số 22, diện tích 2.832,2m² thuộc phần thửa đất số 294, tờ bản đồ số 22 và thửa đất 297, tờ bản đồ số 22”.

Theo Giấy xác nhận về Hộ khẩu, nguồn gốc sử dụng đất và xây dựng trên đất được UBND xã T lập ngày 19/8/2021 thì Thửa đất 523 Mảnh đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính số 22 có diện tích 2.832,2m², loại đất trồng Cây lâu năm thuộc phần thửa đất số 297, tờ bản đồ số 22, đất có nguồn gốc của hộ ông Trương Công H6 và phần thửa đất 294, tờ bản đồ số 22, loại đất Hgđ.

Tại Biên bản làm việc ngày 21/5/2025, UBND xã T xác nhận: Ông Trương Công H6 chết vào ngày 16/11/2008, bà Nguyễn Thị C1 chết vào ngày 25/02/2012, ông Trương Công Á1 chết vào năm 2019. Từ đó, bà Nguyễn Thị Bích L (vợ ông Trương Công Á1) và con bà Nguyễn Thị Bích L tiếp tục quản lý, sử dụng các thửa đất của ông Trương Công H6 và bà Nguyễn Thị C1 để lại.

Thứ hai: Về kê khai, đăng ký:

Hồ sơ kê khai theo Chỉ thị 299/TTg: Trên địa bàn xã T không có hồ sơ theo Chỉ thị 299/TTg.

Hồ sơ kê khai theo Nghị định 64/CP (UBND thị xã T duyệt ngày 06/3/1996) thì diện tích đất bà L đang khiếu kiện thuộc các thửa đất sau:

+ Toàn bộ thửa đất số 297, tờ bản đồ số 22, diện tích 1.946m², loại đất ĐM, tên chủ sử dụng ruộng đất: Ông Trương Công H6 (cha ruột ông Trương Công Á1 - chồng bà Nguyễn Thị Bích L) đứng tên đăng ký chủ sử dụng đất.

+ Phần diện tích đất còn lại thuộc thửa đất số 294, tờ bản đồ số 22, thửa đất này có diện tích 4.205m², loại đất Hgđ, tên chủ sử dụng ruộng đất: Chưa phân phối sử dụng (CPPSD).

- Hồ sơ Cơ sở dữ liệu địa chính (Sở T4 duyệt ngày 29/6/2017):

Diện tích đất bà L đang khiếu kiện thuộc thửa đất số 563, tờ bản đồ số 22, diện tích 4.958,1m²; loại đất: CLN do hộ ông Trương Công Á1 - bà Nguyễn Thị Bích L đứng tên đăng ký chủ sử dụng đất.

- Hồ sơ trích đo để thực hiện dự án:

Thửa đất số 563, tờ bản đồ số 22, diện tích 4.958,1m² (Theo hồ sơ cơ sở dữ liệu địa chính được Sở T4 duyệt ngày 29/6/2017) được đo đạc thành các thửa đất như sau:

+ Thửa đất số 563, tờ bản đồ số 22, diện tích 2.832,2m², loại đất: CLN, do hộ ông Trương Công Á1 - bà Nguyễn Thị Bích L kê khai đăng ký chủ sử dụng đất.

+ Thửa đất số 1852, tờ bản đồ số 22, diện tích 1.039,2m², loại đất: CLN, do hộ bà Đinh Thị H4 kê khai đăng ký chủ sử dụng đất.

+ Thửa đất số 1850, tờ bản đồ số 22, diện tích 827,6m², loại đất: CLN, do hộ ông Trương H5 kê khai đăng ký chủ sử dụng đất.

+ Thửa đất số 1856, tờ bản đồ số 22, diện tích 143,4m², loại đất: CLN, do hộ ông Trương Công S2 - bà Phan Thị L1 kê khai đăng ký chủ sử dụng đất.

+ Thửa đất số 1853, tờ bản đồ số 22, diện tích 38,5m², loại đất: Chuyên dùng, do UBND xã T quản lý.

+ Thửa đất số 1854, tờ bản đồ số 22, diện tích 38,5m², loại đất: Chuyên dùng, do UBND xã T quản lý.

Như vậy, thửa đất số 563, tờ bản đồ số 22, diện tích 4.958,1m² có thể hiện trong Sổ mục kê. Tuy nhiên, theo hồ sơ địa chính được Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt ngày 29/6/2017 thì thửa đất số 563 đã được đo đạc và xác định thành 06 thửa do các hộ đang quản lý sử dụng; trong đó có hộ bà L đăng ký kê khai diện tích 2.832,2m². Do đó, Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam ban hành quyết định thu hồi đất của hộ bà L với diện tích 2.832,2m² là có cơ sở.

Mặt khác, tại thời điểm thu hồi đất, bà Nguyễn Thị Bích L và các đồng thừa kế của ông Trương Công H6 - bà Nguyễn Thị C1 đang quản lý, sử dụng thửa đất số 563, tờ bản đồ số 22 có diện tích 2.832,2m², loại đất cây lâu năm thuộc thửa đất số 297, tờ bản đồ số 22, có nguồn gốc của hộ ông Trương Công H6 và bà Nguyễn Thị C1 (đã chết) và một phần thửa đất 294, tờ bản đồ số 22, loại đất Hgđ. Việc quản lý, sử dụng đất được xác định trước ngày 01/7/2004 và tại thời điểm UBND thành phố T ban hành thông báo thu hồi đất thì người sử dụng đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 75 và khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013 thì việc bồi thường khi thu hồi đất cho hộ ông Trương Công H6 - bà Nguyễn Thị C1 là diện tích đất thực tế đang sử dụng, đã được UBND xã T xác nhận là 2.832,2m²; phần diện tích đất còn lại của thửa đất số 563, tờ bản đồ số 22 là 2.125,9m² (4.958,1m² - 2.832,2m²) hộ ông Trương Công H6 (chết) - bà Nguyễn Thị Bích L là người đại diện cho những người đồng thừa kế không hội đủ điều kiện để được bồi thường, hỗ trợ về đất. Vì vậy, việc bà Nguyễn Thị Bích L yêu cầu bồi thường về đất đối với phần diện tích đất còn lại 2.125,9m² của thửa đất số 563, tờ bản đồ số 22, là không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về bồi thường, hỗ trợ khi thực hiện thu hồi đất:

Thực hiện dự án Khu tái định cư T, địa điểm: xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam (cũ).

Ngày 14/4/2022, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 1565/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khu tái định cư T, địa điểm: xã T, thành phố T; theo đó thu hồi diện tích 2.832,2m² đất trồng cây lâu năm do hộ ông (bà) Trương Công H6 (chết) – Nguyễn Thị C1 (chết) (các đồng thừa kế: Trương Công H, Trương Công B, Trương Công H1, Trương Thị Thu N, Trương Công Á1, Nguyễn Thị Bích L) đang quản lý sử dụng thuộc thửa đất số 563, tờ bản đồ số 22 tại xã T, thành phố T.

Ngày 20/4/2022, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 1651/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông (bà) Trương Công H6 (chết) - Nguyễn Thị C1 (chết) các đồng thừa kế: Trương Công H, Trương Công B, Trương Công H1, Trương Thị Thu N, Trương Công Á1 (chết) - vợ Nguyễn Thị Bích L để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu tái định cư T (đợt 2) tại xã T, thành phố T, với tổng số tiền là 984.460.030 đồng. Trong đó, bồi thường về đất: 218.959.600 đồng; bồi thường nhà ở, vật kiến trúc: 8.580.830 đồng; bồi thường cây cối, hoa màu: 18.002.800 đồng; hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm việc làm: 738.916.800 đồng là đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L rút yêu cầu kháng cáo đối với Quyết định số 1651/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm và không xem xét.

[3] Về bố trí tái định cư: Do diện tích đất của hộ bà L bị thu hồi là đất trồng cây lâu năm, không phải đất ở, vật kiến trúc không phải là nhà ở, không di chuyển chỗ ở, nên UBND thành phố T không xem xét bố trí, giao lại đất ở cho hộ bà L là phù hợp.

Từ những phân tích trên, có đủ cơ sở xác định UBND và Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Quảng Nam (nay là UBND phường Q, thành phố Đà Nẵng) ban hành Quyết định 1565/QĐ-UBND ngày 14/4/2022, Quyết định 1651/QĐ-UBND ngày 20/4/2022, Công văn 3264/UBND-BQLDA ngày 19/11/2024, Quyết định 1095/QĐ-UBND ngày 20/3/2025 và Chủ tịch UBND tỉnh Q (nay là UBND thành phố Đ) Quyết định 1974/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 liên quan đến việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và bố trí tái định cư khi thu hồi thửa đất số 563, tờ bản đồ số 22, diện tích 4.958,1m² cho hộ ông bà: Trương Công Hưng, Trương Công Bính, Trương Công H1, Trương Thị Thu N, Trương Công Á1 (chết) - vợ Nguyễn Thị Bích L theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích L là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Vì vậy, đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bích L đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

[5] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 218 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo Quyết định số 1651/QĐ-UBND ngày 20/4/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam về bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông (bà) Trương Công H6 (chết) - Nguyễn Thị C1 (chết) các đồng thừa kế: Trương Công H, Trương Công B, Trương Công H1, Trương Thị Thu N, Trương Công Á1 (chết) - vợ Nguyễn Thị Bích L để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu tái định cư T (đợt 2) tại xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam của bà Nguyễn Thị Bích L.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 luật Tổ tụng Hành chính năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bích L.

Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2026/HC-ST ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đà Nẵng.

3. Án phí phúc thẩm: khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Thị Bích L phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào tạm ứng án phí 300.000 đồng bà L đã nộp theo biên lai số 0001609 ngày 25 tháng 02 năm 2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà Nguyễn Thị Bích L đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- TAND khu vực 5;
- Phòng THADS khu vực 5;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Thị Thúy Năng